

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Thọ	Quý	3671041036	1994		7,00	7,00	
2	Nguyễn Trường	Kỳ	3671041047	22/04/1993		,00	,00	Nợ HP
3	Ngô Minh	Quang	3671041053	25/02/1993		6,00	6,00	
4	Lê Văn	Phú	3671041073	14/08/1994		5,00	5,00	
5	Nguyễn Văn	Túc	3671041078	1994		5,00	5,00	
6	Bùi Tuấn	Kiệt	3671041079	07/11/1994		5,00	5,00	
7	Nguyễn Văn	Khoa	3671041080	12/12/1994		6,00	6,00	
8	Đặng Thái	Hòa	3671041087	01/06/1994		5,00	5,00	
9	Nguyễn Đức	Kiên	3671041100	14/02/1991		2,00	2,00	Nợ HP
10	Đàng Thiên	Tấn	3671041103	05/08/1992		7,00	7,00	
11	Nguyễn Trọng	Toàn	3671041106	17/01/1994		6,00	6,00	Nợ HP
12	Huỳnh Tấn	An	3671041107	12/10/1993		5,00	5,00	
13	Nguyễn Đình	Công	3671041109	10/02/1994		,00	,00	Nợ HP
14	Phạm Thanh	Danh	3671041123	01/11/1994		5,00	5,00	
15	Trần Quang	Dũng	3671041132	27/12/1993		5,00	5,00	
16	Nguyễn Thành	Trọng	3671041139	02/07/1994		7,00	7,00	
17	Nguyễn Khánh	Duy	3671041140	13/04/1994		6,00	6,00	
18	Nguyễn Văn	Hậu	3671041141	10/07/1994		6,00	6,00	
19	Nguyễn Vũ	Linh	3671041144	12/08/1994		6,00	6,00	
20	Võ Văn	Thạch	3671041148	14/03/1994		,00	,00	Nợ HP
21	Nguyễn Thanh	Phương	3671041155	17/06/1993		,00	,00	Nợ HP
22	Trịnh Huỳnh Quốc	Khánh	3671041167	02/09/1994		,00	,00	
23	Đồng Anh	Khoa	3671041170	09/03/1992		6,00	6,00	Nợ HP
24	Vũ Lã Công	Thành	3671041171	26/09/1993		5,00	5,00	
25	Nguyễn Quang	Hiếu	3671041173	28/03/1994		6,00	6,00	
26	Nguyễn Công	Danh	3671041178	23/08/1993		5,00	5,00	
27	Lê Chiến	Thắng	3671041180	26/11/1994		6,00	6,00	
28	Nguyễn Hữu	Toàn	3671041192	04/08/1993		6,00	6,00	
29	Đồng Văn	Hiền	3671041197	11/03/1994		6,00	6,00	
30	Phan Sỹ	Tú	3671041202	28/02/1994		5,00	5,00	
31	Nguyễn Hồng	Toàn	3671041208	26/11/1992		,00	,00	Nợ HP
32	Bùi Quang	Nhã	3671041209	20/07/1994		5,00	5,00	
33	Kiều Phi	Long	3671041213	10/11/1994		6,00	6,00	
34	Trần Khánh	Minh	3671041218	31/10/1994		,00	,00	Nợ HP
35	Nguyễn Chí	Giàu	3671041222	26/10/1994		6,00	6,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Nghĩa	3671041244	15/02/1993		,00	,00	Nợ HP
37	Phan Anh	Đoàn	3671041263	10/06/1994		6,00	6,00	
38	Lê Minh	Tân	3671041293	26/07/1994		5,00	5,00	
39	Vi Văn	Hường	3671041457	09/02/1989		,00	,00	Nợ HP
40	Trần Đức	Khánh	3671041460	10/05/1994		5,00	5,00	
41	Nguyễn Trung	Hiếu	3671041475	11/11/1994		6,00	6,00	
42	Hoàng Văn	Đức	3671041496	13/06/1994		6,00	6,00	
43	Trần Văn	Nam	3671041519	31/08/1994		6,00	6,00	
44	Châu Hoàng	Tuấn	3671041520	02/10/1993		,00	,00	Nợ HP
45	Võ Thị Hoàng	Yến	3671041531	09/07/1994		,00	,00	Nợ HP
46	Ngô Văn	Tiếp	3671041533	06/02/1993		7,00	7,00	
47	Lê Hoàng	Được	3671041950	25/03/1994		6,00	6,00	
48	Trần Quốc	Bảo	3671041967	14/08/1994		5,00	5,00	
49	Ngô Hữu Thiên	Phương	3671041984	04/12/1994		7,00	7,00	
50	Nguyễn Phúc	Hậu	3671041994	21/06/1994		5,00	5,00	
51	Phạm Văn	Pháp	3671042012	15/10/1993		6,00	6,00	
52	Đỗ Thanh	Hùng	3671042030	02/10/1994		7,00	7,00	
53	Lê Văn	Tiến	3671042048	28/01/1993		6,00	6,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)